

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LẠNG SƠN
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2022/HS-ST
Ngày 18 - 4 - 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LẠNG SƠN, TỈNH LẠNG SƠN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Thị Phương Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Đặng Thị Lan Anh

Bà Nguyễn Minh Huyền

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Lan - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Khanh - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 06/2022/TLST-HS ngày 14 tháng 01 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2022/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 02 năm 2022, Thông báo về việc thay đổi thời gian xét xử vụ án số 17/2022/TB-TA ngày 24-02-2022, Thông báo về việc thay đổi thời gian xét xử vụ án số 21/2022/TB-TA ngày 07-3-2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2022/HSST-QĐ ngày 31-3-2022 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn D, sinh ngày 04 tháng 3 năm 1989 tại tỉnh Bắc Giang; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn H, xã N, huyện T, tỉnh Bắc Giang; chỗ ở hiện nay: Số 55, L, phường T, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị H; có vợ là Đặng Thị Thanh N (đã ly hôn) và 03 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa từng bị kết án, xử lý kỷ luật nhưng đã từng bị xử phạt vi phạm hành chính theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 00775 QĐ/XPVPHC ngày 06/01/2012 của Công an thành phố Lạng Sơn về hành vi tàng trữ vũ khí thô sơ, công cụ hỗ trợ trái phép, hình phạt tiền, đã chấp hành xong, nay đã được xóa. Bị bắt, tạm giữ từ ngày 22/9/2021, tạm giam từ ngày 25/9/2021 cho đến nay. Có mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Chị Trần Huyền G, sinh năm 1982. Địa chỉ: Số 4/341 đường N, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt;
2. Chị La Bích H, sinh năm 1982. Địa chỉ: Ngõ 6, đường P, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt;
3. Chị Hoàng Thị T, sinh năm 1979. Địa chỉ: Ngõ 28, đường B, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt;
4. Chị Nông Thị Thùy L, sinh năm 1980. Địa chỉ: Số 15, ngõ 247, đường L, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt;
5. Chị Nông Thị T, sinh năm 1992. Địa chỉ: Số 198, đường L, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt;
6. Bà Nguyễn Thị Minh P, sinh năm 1967. Địa chỉ: Số 55/10B đường B, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt;
7. Chị Chu Thị H, sinh năm 1989. Địa chỉ: Thôn P, xã M, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt;
8. Chị Lương Thị Thùy D, sinh năm 1985. Địa chỉ: Số 09, ngách 01, ngõ 66, đường Đ, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt;
9. Bà Trần Thị T, sinh năm 1975. Địa chỉ: Số 44A, đường 03-02, tổ 01, khối 9, thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng đầu tháng 6/2021 – 9/2021, Nguyễn Văn D bắt đầu cho vay lãi nặng dưới hình thức “bát họ”, “vay lãi ngày”, người vay không cần thế chấp tài sản và tự viết giấy vay tiền, ghi số tiền vay và ngày trả, không ghi lãi suất. Với hình thức vay bát họ, mỗi bát họ được tính 10.000.000 đồng, bị cắt lãi trước từ 2.500.000 đồng đến 3.000.000 đồng tùy theo từng trường hợp, người vay chỉ nhận được 7.000.000 đồng đến 7.500.000 đồng, thời gian trả tiền gốc là 40 ngày kể từ ngày vay, mỗi ngày người vay trả 250.000 đồng cho đến khi đủ 10.000.000 đồng. Đối với người vay hai bát họ trở lên, người vay bị cắt lãi trước tương ứng với số lượng bát họ vay nhân với số lãi cắt (từ 2.500.000 đồng đến 3.000.000 đồng), người vay được nhận số tiền còn lại sau khi đã cắt lãi, thời gian trả tiền gốc là 40 ngày tính từ ngày vay; Hình thức vay lãi ngày, D tính lãi 100.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, trả lãi theo ngày tương ứng với số tiền vay cho đến khi trả xong tiền gốc, tùy các trường hợp vay D có thể tính mức lãi thấp hơn theo thỏa thuận. Việc thanh toán tiền gốc và lãi có thể trả trực tiếp hoặc chuyển qua số tài khoản 19037244101013 mở tại ngân hàng Techcombank của Nguyễn Văn D.

Về lãi suất cho vay được tính như sau: Lãi suất tính lãi được quy đổi theo tỷ lệ %/năm (lãi suất năm) và sẽ được tính theo công thức, lãi suất tính lãi = (số tiền lãi ngày x 365)/số dư thực tế hoặc lãi suất tính lãi = (số tiền lãi x 365)/(số dư thực tế x số ngày duy trì số dư thực tế). Số tiền lãi ngày = (Số dư thực tế x lãi

suất tính lãi)/365; số tiền lãi = (Số dư thực tế x số ngày duy trì thực tế x lãi suất tính lãi)/365.

Theo quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015, lãi suất cho vay tối đa 20%/năm, tức là chỉ tương ứng 547,95 đồng/1.000.000đồng/ngày. Số tiền lãi được hưởng theo quy định được tính theo công thức: Tiền lãi hợp pháp = (Số dư thực tế x Số ngày duy trì số dư thực tế x 20%)/365. Tiền lãi bất hợp pháp = Số tiền lãi tính cho người vay - tiền lãi hợp pháp. Số ngày duy trì thực tế đối với hình thức vay bắt họ là số ngày người cho vay thỏa thuận với người vay (40 ngày); số ngày duy trì thực tế của hình thức vay lãi ngày là số ngày vay thực tế. Lãi suất mà Nguyễn Văn D cho những người vay dưới hình thức vay bắt họ và vay lãi ngày tương ứng với lãi suất tương đương từ 274% đến 3.650%/năm, tùy vào người vay, từng khoản vay và hình thức vay.

Cụ thể Nguyễn Văn D đã cho những người sau vay tiền:

1. Khoản vay của chị Trần Huyền G

* Vay bắt họ:

Ngày 22/7/2021, Trần Huyền G vay D 01 bắt họ 10.000.000 đồng, G được nhận 7.000.000 đồng và phải trả đủ 10.000.000 đồng trong vòng 40 ngày.

Ngày 25/7/2021, Trần Huyền G vay D 01 bắt họ 10.000.000 đồng, G được nhận 7.000.000 đồng và phải trả đủ 10.000.000 đồng trong vòng 40 ngày.

Tổng cộng Trần Huyền G vay Nguyễn Văn D 02 bắt họ với tổng số tiền là 20.000.000 đồng. Số tiền lãi D nhận là 6.000.000 đồng, tương đương lãi suất 274%/năm, trong đó số tiền lãi hợp pháp là $(20.000.000đ \times 40 \text{ ngày} \times 20\%)/365 = 438.356$ đồng, lãi bất hợp pháp = 6.000.000đồng - 438.356đồng = **5.561.644 đồng**.

* Vay lãi ngày: Ngày 03/8/2021, G vay D số tiền 10.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận trả lãi suất 100.000đồng/1 triệu đồng/1 ngày, 01 ngày trả lãi 1.000.000 đồng, khoản vay này G trả lãi được 23 ngày, nhưng được D tính số tiền lãi là 20.100.000 đồng, tương đương mức lãi suất 3.190%/năm. Trong đó số tiền lãi hợp pháp là $(10.000.000đ \times 23 \text{ ngày} \times 20\%)/365 = 126.027$ đồng, số tiền lãi bất hợp pháp là $20.100.000đ - 126.027đ = \mathbf{19.973.973 \text{ đồng}}$.

Với các khoản vay này, chị Trần Huyền G còn nợ D số tiền gốc là 15.000.000 đồng.

2. Khoản vay của chị La Bích H

Ngày 12/8/2021, chị La Bích H vay D 01 bắt họ 10.000.000 đồng, được nhận 7.500.000 đồng và phải trả đủ 10.000.000 đồng trong vòng 40 ngày, chị La Bích H đã thanh toán hết tiền gốc và lãi. Số tiền lãi D thu của H là 2.500.000 đồng, tương đương lãi suất 228%/năm, trong đó số tiền lãi hợp pháp là 219.178 đồng, lãi bất hợp pháp là **2.280.822 đồng**.

3. Khoản vay của chị Hoàng Thị T

Ngày 03/6/2021, chị Hoàng Thị T vay Nguyễn Văn D 01 bắt họ 10.000.000 đồng, được nhận 7.000.000 đồng và phải trả đủ 10.000.000 đồng trong vòng 40 ngày.

Ngày 15/6/2021, chị Hoàng Thị T vay D 01 bát họ 10.000.000 đồng, được nhận 7.000.000 đồng và phải trả đủ 10.000.000 đồng trong vòng 40 ngày.

Tổng cộng chị Hoàng Thị T vay 02 bát họ với tổng số tiền là 20.000.000 đồng. Số tiền lãi 6.000.000 đồng, tương đương lãi suất từ 274%/ năm, trong đó số tiền lãi hợp pháp là 438.356 đồng, lãi bất hợp pháp **5.561.644 đồng**.

Với các khoản vay này, chị Hoàng Thị T còn nợ D tiền gốc 6.000.000 đồng.

4. Khoản vay của chị Nông Thị Thùy L

* Vay bát họ:

Ngày 16/8/2021, L vay D 02 bát họ là 20.000.000 đồng, được nhận 14.000.000 đồng và phải trả đủ 20.000.000 đồng trong vòng 40 ngày. Số tiền lãi 6.000.000 đồng, tương ứng mức lãi suất 274%/năm, trong đó lãi suất hợp pháp là 438.356 đồng, lãi bất hợp pháp **5.561.644 đồng**.

* Vay lãi ngày: Hai bên thỏa thuận trả lãi suất 100.000 đồng/1 triệu đồng/1 ngày.

Ngày 03/8/2021, L vay D số tiền 3.000.000 đồng, 01 ngày trả lãi 300.000 đồng, khoản vay này L trả lãi được 02 ngày với số tiền 600.000 đồng, tương đương mức lãi suất 3.650%/năm, trong đó số tiền lãi hợp pháp là 3.288 đồng, số tiền lãi bất hợp pháp là 596.712 đồng.

Ngày 27/8/2021, L vay D số tiền 6.000.000 đồng, 01 ngày trả lãi 600.000 đồng, khoản vay này trả lãi được 12 ngày với số tiền lãi là 7.200.000 đồng, tương đương mức lãi suất 3.650%/năm, trong đó số tiền lãi hợp pháp là 39.452 đồng, số tiền lãi bất hợp pháp là 7.160.548 đồng.

Ngày 07/9/2021, L vay D số tiền 4.000.000 đồng, 01 ngày trả lãi 400.000 đồng, khoản vay này trả lãi được 02 ngày, số tiền lãi là 800.000 đồng. Tương đương mức lãi suất 3.650%/năm, trong đó số tiền lãi hợp pháp là 4.384 đồng, số tiền lãi bất hợp pháp là 795.616 đồng.

Ngày 09/9/2021, L vay D số tiền 7.000.000 đồng, 01 ngày trả lãi 700.000 đồng, khoản vay này trả lãi được 03 ngày, số tiền lãi là 2.100.000 đồng. Tương đương mức lãi suất 3.650%/năm, trong đó số tiền lãi hợp pháp là 11.507 đồng, số tiền lãi bất hợp pháp là 2.088.493 đồng.

Tổng cộng, Nông Thị Thùy L đã 04 lần “vay lãi ngày” với Nguyễn Văn D, các khoản vay tương đương mức lãi suất 3.650%/năm, số tiền lãi hợp pháp là 58.631 đồng, số tiền lãi bất hợp pháp **10.641.369 đồng**.

Với các khoản vay trên, chị Nông Thị Thùy L còn nợ D số tiền gốc là 20.000.000 đồng.

5. Khoản vay của chị Nông Thị T

* Vay bát họ:

Ngày 12/7/2021, T vay D 01 bát họ là 10.000.000 đồng, được nhận 7.000.000 đồng và phải trả đủ 10.000.000 đồng trong vòng 40 ngày. Số tiền lãi 3.000.000 đồng, tương ứng mức lãi suất 274%/năm, trong đó lãi suất hợp pháp là 219.178 đồng, lãi bất hợp pháp **2.780.822 đồng**.

* Vay lãi ngày: Hai bên thỏa thuận trả lãi suất 100.000 đồng/1 triệu đồng/1 ngày, tùy từng lần vay D có thể giảm bớt lãi suất cho T.

Ngày 02/9/2021, T vay D số tiền 5.000.000 đồng, 01 ngày trả lãi 500.000 đồng, khoản vay này trả lãi được 01 ngày, số tiền lãi là 500.000 đồng. Tương đương mức lãi suất 3.650%/năm, trong đó số tiền lãi hợp pháp là 2.740 đồng, số tiền lãi bất hợp pháp là 497.260 đồng.

Ngày 03/9/2021, T vay D số tiền 9.000.000 đồng, cộng với khoản vay trước là 14.000.000 đồng, 01 ngày phải trả lãi 1.400.000 đồng, khoản vay này T trả lãi được 5 ngày nhưng được D tính số tiền lãi là 5.350.000 đồng. Tương đương mức lãi suất 2.790%/năm, trong đó số tiền lãi hợp pháp là 38.356 đồng, số tiền lãi bất hợp pháp là 5.311.644 đồng.

Ngày 08/9/2021, T vay D số tiền 15.000.000 đồng, cộng khoản vay cũ tổng vay là 29.000.000 đồng, 01 ngày phải trả lãi 2.900.000 đồng, khoản vay này T trả lãi được 01 ngày, số tiền lãi là 2.900.000 đồng. Tương đương mức lãi suất 3.650%/năm, trong đó số tiền lãi hợp pháp là 15.890 đồng, số tiền lãi bất hợp pháp là 2.884.110 đồng.

Ngày 09/9/2021, T vay D số tiền 12.000.000đ, cộng các khoản cũ thì T vay tổng là 41.000.000 đồng, khoản vay này T trả lãi được 08 ngày được D tính số tiền lãi là 12.050.000 đồng. Tương đương mức lãi suất 1.341%/năm, trong đó số tiền lãi hợp pháp là 179.726 đồng, số tiền lãi bất hợp pháp là 11.870.274 đồng.

Như vậy, Nông Thị T đã 04 lần “vay lãi ngày” với Nguyễn Văn D, các khoản vay tương đương mức lãi suất từ 1.341%/năm – 3.650%/năm, số tiền lãi hợp pháp là 236.712 đồng, lãi bất hợp pháp **20.563.288 đồng**.

Với các khoản vay này, chị Nông Thị T và Nguyễn Văn D chót còn nợ số tiền gốc và lãi là 70.000.000 đồng.

6. Khoản vay của bà Nguyễn Thị Minh P.

* Vay bắt họ:

Từ tháng 6-9/2021, bà Nguyễn Thị Minh P vay D 04 bắt họ là 40.000.000 đồng, tổng được nhận 28.000.000 đồng và mỗi bắt họ phải trả đủ 10.000.000 đồng trong vòng 40 ngày kể từ ngày vay. Tổng số tiền lãi 12.000.000 đồng, tương ứng mức lãi suất 274%/năm, trong đó lãi suất hợp pháp là 876.712 đồng, lãi bất hợp pháp **11.123.288 đồng**.

* Vay lãi ngày: Hai bên thỏa thuận trả lãi suất 100.000 đồng/1 triệu/1 ngày.

Ngày 30/7/2021, bà Nguyễn Thị Minh P vay D số tiền 2.000.000 đồng, 01 ngày trả lãi 200.000 đồng, khoản vay này trả lãi được 02 ngày, số tiền lãi là 400.000 đồng. Tương đương mức lãi suất 3.650%/năm, trong đó số tiền lãi hợp pháp là 2.192 đồng, số tiền lãi bất hợp pháp là **397.808 đồng**.

Ngày 04/8/2021, bà Nguyễn Thị Minh P vay D số tiền 3.000.000 đồng, 01 ngày trả lãi 300.000 đồng, khoản vay này trả lãi được 01 ngày, số tiền lãi là 300.000 đồng. Tương đương mức lãi suất 3.650%/năm, trong đó số tiền lãi hợp pháp là 1.644 đồng, số tiền lãi bất hợp pháp là **298.356 đồng**.

Ngày 10/8/2021, bà Nguyễn Thị Minh P vay D số tiền 3.000.000 đồng, 01 ngày trả lãi 300.000 đồng, khoản vay này trả lãi được 02 ngày, số tiền lãi là 600.000 đồng. Tương đương mức lãi suất 3.650%/năm, trong đó số tiền lãi hợp pháp là 3.288 đồng, số tiền lãi bất hợp pháp là **596.712 đồng**.

Ngày 12/8/2021, bà Nguyễn Thị Minh P vay D số tiền 1.000.000 đồng, 01 ngày trả lãi 100.000 đồng, khoản vay này trả lãi được 01 ngày, số tiền lãi là 100.000 đồng. Tương đương mức lãi suất 3.650%/năm, trong đó số tiền lãi hợp pháp là 548 đồng, số tiền lãi bất hợp pháp là **99.452 đồng**.

Ngày 13/8/2021, bà Nguyễn Thị Minh P vay D số tiền 3.000.000 đồng, 01 ngày trả lãi 300.000 đồng, khoản vay này trả lãi được 07 ngày, số tiền lãi là 2.100.000 đồng. Tương đương mức lãi suất 3.650%/năm, trong đó số tiền lãi hợp pháp là 11.507 đồng, số tiền lãi bất hợp pháp là **2.088.493 đồng**.

Ngày 20/8/2021, bà Nguyễn Thị Minh P vay D số tiền 5.000.000 đồng, 01 ngày trả lãi 500.000 đồng, khoản vay này trả lãi được 08 ngày, số tiền lãi là 4.000.000 đồng. Tương đương mức lãi suất 3.650%/năm, trong đó số tiền lãi hợp pháp là 21.918 đồng, số tiền lãi bất hợp pháp là **3.978.082 đồng**.

Ngày 06/9/2021, bà Nguyễn Thị Minh P vay D số tiền 3.000.000 đồng, 01 ngày trả lãi 300.000 đồng, khoản vay này trả lãi được 02 ngày, số tiền lãi là 600.000 đồng. Tương đương mức lãi suất 3.650%/năm, trong đó số tiền lãi hợp pháp là 3.288 đồng, số tiền lãi bất hợp pháp là **596.712 đồng**.

Ngày 14/9/2021, bà Nguyễn Thị Minh P vay D số tiền 4.500.000 đồng, khoản vay này trả lãi được 05 ngày, D tính số tiền lãi là 2.000.000 đồng. Tương đương mức lãi suất 3.244%/năm, trong đó số tiền lãi hợp pháp là 12.329 đồng, số tiền lãi bất hợp pháp là **1.987.671 đồng**.

Ngày 13/9/2021, bà Nguyễn Thị Minh P vay D số tiền 2.000.000 đồng, 01 ngày trả lãi 200.000 đồng, khoản vay này trả lãi được 01 ngày, số tiền lãi là 200.000 đồng. Tương đương mức lãi suất 3.650%/năm, trong đó số tiền lãi hợp pháp là 1.096 đồng, số tiền lãi bất hợp pháp là **198.904 đồng**.

Tổng cộng, bà Nguyễn Thị Minh P đã 09 lần “vay lãi ngày” với Nguyễn Văn D, các khoản vay tương đương mức lãi suất từ 3.244%/năm – 3.650%/năm, số tiền lãi hợp pháp là 57.810 đồng, lãi bất hợp pháp **10.242.190 đồng**.

Với các khoản vay này, bà Nguyễn Thị Minh P còn nợ số tiền gốc 7.000.000 đồng.

7. Khoản vay của chị Chu Thị H

* Vay bất họ:

Tháng 6/2021, chị Chu Thị H vay D 04 bất họ là 40.000.000 đồng, tổng được nhận 28.000.000 đồng và mỗi bất họ phải trả đủ 10.000.000 đồng trong vòng 40 ngày kể từ ngày vay. Số tiền lãi 12.000.000 đồng, tương ứng mức lãi suất 274%/năm, trong đó lãi suất hợp pháp là 876.712 đồng, lãi bất hợp pháp **11.123.288 đồng**.

* Vay lãi ngày: hai bên thỏa thuận trả lãi suất 100.000 đồng/1 triệu đồng/1 ngày. Trong tháng 7/2021, H đã “vay lãi ngày” 04 lần, cụ thể như sau:

Lần 1, H vay D số tiền 10.000.000 đồng, 01 ngày trả lãi 1.000.000 đồng, khoản vay này trả lãi được 15 ngày, số tiền lãi là 15.000.000 đồng. Trong đó số tiền lãi hợp pháp là 82.192 đồng, số tiền lãi bất hợp pháp là **14.917.808 đồng**.

Lần 2, H vay D số tiền 5.000.000 đồng, 01 ngày trả lãi 500.000 đồng, khoản vay này trả lãi được 10 ngày, số tiền lãi là 5.000.000 đồng. Trong đó số tiền lãi hợp pháp là 27.397 đồng, số tiền lãi bất hợp pháp là **4.972.603 đồng**.

Lần 3, H vay D số tiền 4.000.000 đồng, 01 ngày trả lãi 400.000 đồng, khoản vay này trả lãi được 10 ngày, số tiền lãi là 4.000.000 đồng. Trong đó số tiền lãi hợp pháp là 21.918 đồng, số tiền lãi bất hợp pháp là **3.978.082 đồng**.

Lần 4, H vay D số tiền 7.000.000 đồng, 01 ngày trả lãi 700.000 đồng, khoản vay này trả lãi được 05 ngày, số tiền lãi là 3.500.000 đồng. Trong đó số tiền lãi hợp pháp là 19.178 đồng, số tiền lãi bất hợp pháp là **3.480.822 đồng**.

Tổng cộng, Chu Thị H đã 04 lần “vay lãi ngày” với Nguyễn Văn D, các khoản vay tương đương mức lãi suất 3.650%/năm, số tiền lãi hợp pháp là 150.685 đồng, lãi bất hợp pháp **27.349.315 đồng**.

Với các khoản vay này, Chu Thị H và D chốt với nhau còn nợ số tiền gốc 55.000.000 đồng.

8. Khoản vay của chị Lương Thị Thùy D

* Vay bất họ:

Từ tháng 6/2021 – 9/2021, chị Lương Thị Thùy D vay D 05 bất họ là 50.000.000 đồng, được nhận 35.000.000 đồng và phải trả đủ 10.000.000 đồng trong vòng 40 ngày đối với mỗi bất họ. Số tiền lãi 15.000.000 đồng, tương ứng mức lãi suất 274%/năm, trong đó lãi suất hợp pháp là 1.095.890 đồng, lãi bất hợp pháp **13.904.110 đồng**.

* Vay lãi ngày: Hai bên thỏa thuận trả lãi suất 100.000 đồng/1 triệu đồng/1 ngày, tùy từng lần vay D có thể giảm bớt lãi cho D.

Ngày 23/7/2021, chị Lương Thị Thùy D vay D số tiền 4.000.000 đồng, 01 ngày trả lãi 400.000 đồng, khoản vay này trả lãi được 01 ngày, số tiền lãi là 400.000 đồng. Tương đương mức lãi suất 3.650%/năm, trong đó số tiền lãi hợp pháp là 2.192 đồng, số tiền lãi bất hợp pháp là **397.808 đồng**.

Ngày 30/7/2021, chị Lương Thị Thùy D vay D số tiền 6.000.000 đồng, 01 ngày trả lãi 600.000 đồng, khoản vay này trả lãi được 01 ngày, số tiền lãi là 600.000 đồng. Tương đương mức lãi suất 3.650%/năm, trong đó số tiền lãi hợp pháp là 3.288 đồng, số tiền lãi bất hợp pháp là **596.712 đồng**.

Ngày 17/8/2021, chị Lương Thị Thùy D vay D số tiền 5.000.000 đồng, 01 ngày trả lãi 500.000 đồng, khoản vay này trả lãi được 02 ngày, số tiền lãi là 1.000.000 đồng. Tương đương mức lãi suất 3.650%/năm, trong đó số tiền lãi hợp pháp là 5.479 đồng, số tiền lãi bất hợp pháp là **994.521 đồng**.

Ngày 25/8/2021, chị Lương Thị Thùy D vay D số tiền 10.000.000 đồng, khoản vay này trả lãi được 08 ngày, số tiền lãi là 5.320.000 đồng. Tương đương mức lãi suất 2.427%/năm, trong đó số tiền lãi hợp pháp là 43.836 đồng, số tiền lãi bất hợp pháp là **5.276.164 đồng**.

Ngày 08/9/2021, chị Lương Thị Thùy D vay D số tiền 10.000.000 đồng, khoản vay này trả lãi được 04 ngày, số tiền lãi là 3.000.000 đồng. Tương đương mức lãi suất 2.738%/năm, trong đó số tiền lãi hợp pháp là 21.918 đồng, số tiền lãi bất hợp pháp là **2.978.082 đồng**.

Ngày 14/9/2021, chị Lương Thị Thùy D vay D số tiền 10.000.000 đồng, khoản vay này trả lãi được 06 ngày, số tiền lãi là 4.000.000 đồng. Tương đương mức lãi suất 2.433%/năm, trong đó số tiền lãi hợp pháp là 32.877 đồng, số tiền lãi bất hợp pháp là **3.967.123 đồng**.

Tổng cộng, chị Lương Thị Thùy D đã 06 lần “vay lãi ngày” với Nguyễn Văn D, các khoản vay tương đương mức lãi suất từ 2.427%/năm – 3.650%/năm, số tiền lãi hợp pháp là 109.590 đồng, lãi bất hợp pháp **14.210.410 đồng**.

Với các khoản vay này, chị Lương Thị Thùy D còn nợ D số tiền gốc 13.000.000 đồng.

9. Khoản vay của bà Trần Thị T

Ngày 17/9/2021, bà Trần Thị T vay D số tiền 10.000.000 đồng, khoản vay này trả lãi được 04 ngày, số tiền lãi là 3.000.000 đồng. Tương đương mức lãi suất 2.738%/năm, trong đó số tiền lãi hợp pháp là 21.918 đồng, số tiền lãi bất hợp pháp là **2.978.082 đồng**. Bà Trần Thị T còn nợ D số tiền gốc là 10.000.000 đồng.

Sau khi nhận được đơn tố giác của công dân, ngày 22/9/2021 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lạng Sơn đã triệu tập Nguyễn Văn D đến làm việc, D giao nộp: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A11, màu đen, số Imei 354763591178301, cũ đã qua sử dụng; 01 giấy vay tiền mang tên người vay Chu Thị H, người cho vay Nguyễn Văn D; 01 mảnh giấy màu trắng, một mặt ghi các thông tin liên quan đến phiếu giao hàng, một mặt Nguyễn Văn D ghi tên các người vay. Đối với những tài liệu khác liên quan đến việc cho vay lãi, Nguyễn Văn D khai nhận quá trình vay một số người vay phải trả lãi cao đã dọa trình báo Cơ quan Công an nên D đã hủy các giấy tờ về việc cho vay.

Ngày 17/12/2021 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Lạng Sơn đã ra Lệnh phong tỏa tài khoản số 05/LPTTK-CQĐT-ĐTTH đối với tài khoản của Nguyễn Văn D.

Đối với mảnh giấy Nguyễn Văn D giao nộp, ghi tên những người vay, cơ quan điều tra đã xác minh làm rõ đối với Nguyễn Thị Minh P, Chu Thị H, Nông Thị T; đối với người vay ghi tên “quân đội”, Nguyễn Văn D khai nhận là một người phụ nữ, D không biết họ tên, khoảng 50 tuổi, nhà ở khu vực động N, phường T, do tính cách người này giống phong cách quân đội nên D đặt tên là “quân đội”, ngoài ra không có thông tin nào khác, do vậy Cơ quan điều tra không có căn cứ để xác minh, làm rõ được để xử lý trong vụ án.

Đối với người vay lưu trong điện thoại là “chị T 1” số điện thoại 0981209035; “khách số 6”, số điện thoại 0325406673, Cơ quan điều tra đã gửi công văn đến Chi nhánh Viettel Lạng Sơn – Tập đoàn viễn thông quân đội để xác minh thông tin chủ thuê bao, nhưng đã hết thời hạn điều tra chưa có kết quả trả lời. Với hai người vay khác, D chỉ biết tên, không biết địa chỉ cụ thể là chị T,

nhà gần Ngã 6 P, phường T và chị C, nhà ở đường T, phường T, Cơ quan điều tra đã xác minh tại địa phương nhưng không xác định được người có thông tin như trên. Đối với người phụ nữ tên T1, là người được La Bích H giới thiệu nhưng D và H đều không biết họ tên, địa chỉ. Đối với người vay Nguyễn Thúy N, Mông Thùy D, quá trình điều tra không có mặt tại địa phương, không rõ đi đâu nên Cơ quan điều tra chưa có cứ để xác minh, làm rõ để xử lý trong vụ án.

Đối với Vũ Đức D, sinh năm 1989, trú tại: số 96, đường C, phường V, thành phố L, được Nguyễn Văn D nhờ đi thu tiền hộ và hứa sẽ trả tiền công khi đòi được. Trong tháng 8/2021, Vũ Đức D đã đi thu hộ một số trường hợp nhưng Nguyễn Văn D không trả tiền công; Vũ Đức D không biết việc cho vay tiền lãi suất cao, không được hưởng lợi, do vậy Cơ quan điều tra không đề nghị xử lý.

Tại Cáo trạng số 13/CT-VKS ngày 11/01/2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn D về tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự theo khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi đã thực hiện phù hợp với nội dung bản cáo trạng và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Đối với khoản vay của chị Nông Thị T, bị cáo và chị Nông Thị T có chốt T còn nợ bị cáo 70.000.000đồng, tuy nhiên số tiền này là bao gồm cả gốc và lãi, thực tế số tiền gốc T còn nợ chỉ là 51.000.000 đồng. Đối với khoản vay của Chu Thị H, bị cáo và Chu Thị H có chốt số tiền còn nợ là 55.000.000đồng, số tiền này bị cáo cho rằng có cả gốc và lãi nhưng do thời gian đã quá lâu bị cáo không nhớ chính xác từng khoản gốc, lãi mà chị Chu Thị H còn nợ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa đều có ý kiến yêu cầu bị cáo trả lại số tiền lãi thu quá quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án chị Chu Thị H trình bày: Việc vay nợ giữa chị và bị cáo Nguyễn Văn D như cáo trạng đã trình bày, chị được vay tiền Nguyễn Văn D với 02 hình thức là vay bất hạn và vay lãi ngày, việc trả tiền chị cũng trả bằng 02 hình thức là chuyển khoản và trả tiền mặt, khi trả bằng tiền mặt không ký nhận hoặc lập văn bản gì. Chị và Nguyễn Văn D đã chốt nợ số tiền 55.000.000 đồng, số tiền này bao gồm cả nợ gốc và nợ lãi, nhưng không theo dõi ghi chép nên chị không xác định được số tiền nợ gốc, nợ lãi cụ thể. Chị Chu Thị H yêu cầu bị cáo Nguyễn Văn D trả lại cho chị số tiền lãi mà bị cáo đã thu của chị vượt quá quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án chị Lương Thị Thùy D trình bày: Việc vay nợ của chị với bị cáo Nguyễn Văn D như cáo trạng trình bày là đúng, chị xác định còn nợ bị cáo Nguyễn Văn D số tiền 13.000.000đồng, đối với số tiền lãi bị cáo Nguyễn Văn D đã thu vượt quá quy định của pháp luật, chị Lương Thị Thùy D yêu cầu bị cáo trả lại.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn vẫn giữ nguyên quyết định truy tố, trong đó bổ sung ý kiến về số tiền gốc bị cáo Nguyễn Văn D sử dụng vào việc phạm tội được xác định lại là

388.500.000đồng. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn D phạm tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự. Áp dụng khoản 2 Điều 251; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38, 50 của Bộ luật Hình sự. Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Văn D từ 08 tháng đến 10 tháng tù, thời hạn tính từ ngày bị bắt 22/9/2021; không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về các biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 47, 48 của Bộ luật Hình sự, đề nghị:

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền gốc bị cáo đã sử dụng vào việc phạm tội cho vay là 388.500.000 đồng, trong đó những người vay còn chưa thanh toán cho bị cáo nợ gốc số tiền 177.000.000đồng, do đó cần tịch thu bị cáo số tiền gốc bị cáo sử dụng cho vay là 211.500.000đồng tiền và 5.364.110đồng là tiền lãi tương ứng với lãi suất 20%/ năm bị cáo có được từ việc phạm tội. Tổng số tiền tịch thu của bị cáo là 216.864.000đồng.

- Buộc những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án nộp vào Ngân sách nhà nước số tiền gốc đã vay của bị cáo đến nay chưa thanh toán cho bị cáo tổng số tiền 177.000.000 đồng bao gồm: Chị Trần Huyền G phải nộp ngân sách Nhà nước số tiền 15.000.000đồng, chị Hoàng Thị T nộp số tiền 6.000.000đồng, chị Nông Thị Thùy L nộp số tiền 20.000.000đồng, chị Nông Thị T nộp số tiền 51.000.000đ, bà Nguyễn Thị Minh P nộp số tiền 7.000.000đồng, chị Chu Thị H nộp số tiền 55.000.000đ, chị Lương Thị Thùy D nộp số tiền 13.000.000đ, bà Trần Thị T nộp số tiền 10.000.000đ.

- Về tiền thu lời bất chính: Buộc bị cáo trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan số tiền thu lời bất chính với tổng số tiền là 163.855.890đồng, bao gồm: Trả lại cho chị Trần Huyền G 25.535.000đồng, chị La Bích H 2.280.822đồng, chị Hoàng Thị T 5.561.644đồng, chị Nông Thị Thùy L 16.203.014đồng; chị Nông Thị T 23.344.110đồng, bà Nguyễn Thị Minh P 21.365.479đồng, chị Chu Thị H 38.472.603đồng, chị Lương Thị Thùy D 28.114.521đồng, bà Trần Thị T 2.978.082đồng.

Về vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu sung Ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A11, màu đen, số Imei 354763591178301, cũ đã qua sử dụng là điện thoại bị cáo sử dụng vào việc liên lạc cho vay tiền; đề nghị tiếp tục phong tỏa tài khoản của bị cáo để đảm bảo thi hành án.

Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận, lời nói sau cùng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo hưởng mức án nhẹ nhất để bị cáo sớm trở về gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ vắng mặt tại phiên tòa, nhưng đã có lời khai trong quá trình điều tra và có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự tiếp tục xét xử vụ án.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự, không có ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Về trách nhiệm hình sự: Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan Điều tra, lời khai của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án, phù hợp với vật chứng đã thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án, do đó có đủ cơ sở kết luận: Từ tháng 6/2021 đến tháng 9/2021, với mục đích thu lợi bất chính Nguyễn Văn D đã có hành vi cho 09 người trên địa bàn thành phố Lạng Sơn vay nhiều lần tổng số tiền 388.500.000 đồng dưới hình thức “vay bất họ” và “vay lãi ngày” với lãi suất là 100.000đồng/1 triệu đồng/ngày hoặc thu lãi trước từ 2.500.000đồng đến 3.000.000đồng đối với mỗi bất họ, tức là lãi suất từ 228% đến 3.650%/năm, cao hơn 11 lần đến 183 lần so với quy định của Bộ luật dân sự, thu lãi 169.220.000 đồng, trong đó lãi hợp pháp là 5.364.110 đồng, thu lợi bất chính là 163.855.890 đồng, mỗi lần cho vay đều có sổ tiền thu lời bất chính dưới 30.000.000đồng. Cụ thể, Nguyễn Văn D cho chị Trần Huyền G vay 30.000.000đồng, lãi suất từ 274%/năm đến 3.190%/năm, thu lời bất chính 25.535.616đồng, chị La Bích H vay 10.000.000đồng, lãi suất 228%/năm, thu lời bất chính 2.280.822đồng; chị Hoàng Thị T vay 20.000.000đồng, lãi 274%/năm, thu lời bất chính 5.561.644đồng, chị Nông Thị Thùy L vay tổng 40.000.000đồng lãi suất từ 274%/năm đến 3.650%/năm, thu lời bất chính 16.203.014đồng; chị Nông Thị T vay tổng 51.000.000đồng lãi suất từ 1.341 đến 3.650%/năm, thu lời bất chính 23.344.110đồng; bà Nguyễn Thị Minh P vay tổng 66.500.000đồng lãi suất từ 274%/năm đến 3.650%/năm, thu lời bất chính 21.365.479đồng; chị Chu Thị H vay tổng 66.000.000đồng lãi suất từ 274% đến 3.650%/năm thu lời bất chính 38.472.603đồng; chị Lương Thị Thùy D vay tổng 95.000.000đ lãi suất từ 274% đến 3.650%/năm thu lời bất chính 28.114.521đồng; bà Trần Thị T vay 10.000.000 lãi suất 2.738%/năm, thu lời bất chính 2.978.082đồng.

[4] Hành vi trên của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 2 Điều 201 của Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn truy tố bị cáo Nguyễn Văn D theo tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ và đúng pháp luật.

[5] Hành vi cho vay lãi nặng của bị cáo đã xâm phạm đến việc quản lý kinh tế của Nhà nước được pháp luật hình sự bảo vệ, làm lung lay lòng tin của Nhà nước, gây mất trật tự trị an tại địa phương, làm cho nhiều gia đình lâm vào cảnh điêu đứng là nguyên nhân phát sinh tệ nạn tín dụng đen, tiềm

ẩn nhiều nguy cơ gây nguy hiểm cho xã hội, làm gia tăng tội phạm khác. Bản thân bị cáo là người có đủ khả năng nhận thức việc cho vay với lãi suất cao của mình là vi phạm pháp luật nhưng chỉ vì lợi nhuận trước mắt mà vẫn cố ý thực hiện. Trong vụ án cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, người vay đã tự nguyện xác lập giao dịch dân sự trái pháp luật, chấp nhận mức lãi suất và số tiền lãi phải trả theo thỏa thuận với người cho vay, do đó, người vay cũng có một phần lỗi trong giao dịch trên.

[6] Về nhân thân và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo là người có nhân thân chưa tốt do đã từng bị xử lý hành chính về hành vi tàng trữ vũ khí thô sơ nay đã được xóa tiền sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm s, điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[7] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi do bị cáo gây ra cùng các tình tiết giảm nhẹ và nhân thân của bị cáo, nhận thấy việc cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian trong khoảng thời gian mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp.

[8] Về việc áp dụng hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo không có tài sản riêng, không có khả năng thi hành hình phạt bổ sung nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[9] Về các biện pháp tư pháp: Đối với số tiền gốc bị cáo sử dụng để cho vay, bao gồm cả tiền gốc mà những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án đã vay và chưa trả cho bị cáo được xác định là tiền liên quan trực tiếp đến tội phạm nên cần tịch thu từ bị cáo và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan để sung ngân sách Nhà nước. Tại phiên tòa, bị cáo và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Chu Thị H đều không xác định được số tiền nợ gốc, nợ lãi cụ thể, xét thấy thỏa thuận chốt nợ giữa bị cáo và chị Chu Thị H với số tiền còn nợ là 55.000.000đồng không vi phạm quy định pháp luật, cần ghi nhận thỏa thuận số tiền còn nợ nói trên. Đối với thỏa thuận chốt nợ giữa bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án chị Nông Thị T về số tiền 70.000.000đồng, nhận thấy số tiền gốc chị Nông Thị T thực tế vay của bị cáo là 51.000.000đồng, tại phiên tòa bị cáo thừa nhận số tiền 70.000.000đồng hai bên thỏa thuận chốt nợ là bao gồm cả nợ gốc và nợ lãi, như vậy thỏa thuận chốt nợ trên không phù hợp quy định pháp luật, cần xác định chị Nông Thị T còn nợ gốc là 51.000.000đồng mới phù hợp với thực tế vay và lời khai của bị cáo tại phiên tòa. Như vậy, số tiền cần tịch thu cụ thể như sau: Tịch thu của bị cáo số tiền 211.500.000đồng là số tiền gốc mà những người vay đã trả cho bị cáo, tịch thu đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan tổng số tiền 177.000.000đồng là tiền gốc người vay chưa trả bao gồm: Tịch thu của chị Trần Huyền G số tiền 15.000.000đồng, chị Hoàng Thị T 6.000.000đồng, chị Nông Thị Thùy L 20.000.000đồng, chị Nông Thị T 51.000.000đồng, bà Nguyễn Thị Minh P

7.000.000đồng, chị Chu Thị H 55.000.000đồng, chị Lương Thị Thùy D 13.000.000đồng, bà Trần Thị T 10.000.000đồng.

[10] Đối với số tiền 5.364.000đồng là khoản tiền lãi tương ứng 20%/năm là tiền phát sinh từ tội phạm cần tịch thu của bị cáo nộp ngân sách nhà nước.

[11] Đối với khoản tiền lãi vượt quá 20%/năm là khoản tiền mà người phạm tội thu lợi bất chính của người vay nên trả lại cho người vay cụ thể: Bị cáo cần trả tổng số tiền là 163.855.890đồng, làm tròn là 163.855.000đồng cho những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án, bao gồm: Trả lại cho chị Trần Huyền G 25.535.000đồng, chị La Bích H 2.280.000đồng, chị Hoàng Thị T 5.561.000đ, chị Nông Thị Thùy L 16.203.000đ; chị Nông Thị T 23.344.000đ, bà Nguyễn Thị Minh P 21.365.000đ, chị Chu Thị H 38.472.000đ, chị Lương Thị Thùy D 28.114.000đ, bà Trần Thị T 2.978.000đồng.

[12] Về việc xử lý vật chứng: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A11, màu đen, số Imei 354763591178301, cũ đã qua sử dụng là phương tiện phạm tội cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước, ngoài ra, cần tiếp tục phong tỏa số tiền 2.358.442đồng trong tài khoản ngân hàng số 19037244101013 tại Ngân hàng Techcombank chi nhánh Lạng Sơn của bị cáo để đảm bảo thi hành án.

[13] Đối với người vay ghi tên “quân đội”, người vay lưu trong điện thoại là “chị T 1” số điện thoại 0981209035; “khách số 6”, số điện thoại 0325406673, bị cáo Nguyễn Văn D không biết tên, địa chỉ cụ thể, không có thông tin nào khác; Đối với người vay Nguyễn Thúy N, Mông Thùy D, quá trình điều tra không có mặt tại địa phương; Vũ Đức D không biết việc cho vay tiền lãi suất cao, không được hưởng lợi. Do vậy, Cơ quan điều tra không có căn cứ để xác minh, làm rõ, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[14] Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[15] Xét thấy các nội dung đề nghị của đại diện Viện kiểm sát đối với bị cáo là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 50; điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 47, khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 468 của Bộ luật Dân sự; điểm a, b khoản 2 Điều 106; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn D phạm tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn D 09 (chín) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt, tạm giữ 22/9/2021.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

3. Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng:

3.1 Buộc bị cáo Nguyễn Văn D phải nộp vào Ngân sách Nhà nước số tiền gốc sử dụng vào việc cho vay với số tiền là 211.500.000đồng và nộp số tiền lãi tương ứng mức lãi suất 20%/năm với số tiền là 5.364.000đồng. Tổng cộng số tiền bị cáo phải nộp là 216.864.110đồng, làm tròn là 216.864.000đồng (*hai trăm mười sáu triệu tám trăm sáu mươi bốn nghìn đồng*).

3.2 Buộc những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án nộp vào Ngân sách Nhà nước số tiền nợ gốc với tổng số tiền 177.000.000đồng, cụ thể:

- Buộc chị Trần Huyền G nộp vào ngân sách nhà nước số tiền 15.000.000đồng (*mười lăm triệu đồng*);

- Buộc chị Hoàng Thị T nộp vào ngân sách nhà nước số tiền 6.000.000đồng (*sáu triệu đồng*);

- Buộc chị Nông Thị Thùy L nộp vào ngân sách nhà nước số tiền 20.000.000đồng (*hai mươi triệu đồng*);

- Buộc chị Nông Thị T nộp vào ngân sách nhà nước số tiền 51.000.000đồng (*năm mươi một triệu đồng*);

- Buộc bà Nguyễn Thị Minh P nộp vào ngân sách nhà nước số tiền 7.000.000đồng (*bảy triệu đồng*);

- Buộc chị Chu Thị H nộp vào ngân sách nhà nước số tiền 55.000.000đ (*năm mươi lăm triệu đồng*);

- Buộc chị Lương Thị Thùy D nộp vào ngân sách nhà nước số tiền 13.000.000đồng (*mười ba triệu đồng*);

- Buộc chị Trần Thị T nộp vào ngân sách nhà nước số tiền 10.000.000đồng (*mười triệu đồng*).

3.3 Buộc bị cáo Nguyễn Văn D phải trả lại cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án số tiền thu lợi bất chính với tổng số tiền là 163.855.000đồng, cụ thể:

- Bị cáo phải trả cho chị Trần Huyền G số tiền 25.535.000đồng (*hai mươi lăm triệu năm trăm ba mươi lăm nghìn đồng*);

- Bị cáo phải trả cho chị La Bích H số tiền 2.280.000đồng (*hai triệu hai trăm tám mươi nghìn đồng*);

- Bị cáo phải trả cho chị Hoàng Thị T số tiền 5.561.000đồng (*năm triệu năm trăm sáu mươi một nghìn đồng*);

- Bị cáo phải trả cho chị Nông Thị Thùy L số tiền 16.203.000đ (*mười sáu triệu hai trăm linh ba nghìn đồng*);

- Bị cáo phải trả cho chị Nông Thị T số tiền 23.344.000đồng (*hai mươi ba triệu ba trăm bốn mươi bốn nghìn đồng*);

- Bị cáo phải trả cho bà Nguyễn Thị Minh P số tiền 21.365.000đồng (*hai mươi một triệu ba trăm sáu mươi lăm nghìn đồng*);

- Bị cáo phải trả cho chị Chu Thị H số tiền 38.472.000đồng (*ba mươi tám triệu bốn trăm bảy mươi hai nghìn đồng*);

- Bị cáo phải trả cho chị Lương Thị Thùy D số tiền 28.114.000đồng (*hai mươi tám triệu một trăm mười bốn nghìn đồng*);

- Bị cáo phải trả cho chị Trần Thị T số tiền 2.978.000đồng (*hai triệu chín trăm bảy mươi tám nghìn đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động thi hành án) hoặc kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3.4 Về việc xử lý vật chứng:

- Tịch thu nộp ngân sách nhà nước 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A11, màu đen, số Imei 354763591178301, đã qua sử dụng.

(Vật chứng trên hiện đang lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 10 tháng 01 năm 2021 giữa cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Lạng Sơn và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Lạng Sơn).

- Tiếp tục phong tỏa số tiền 2.358.442đồng trong tài khoản 19037244101013 tại Ngân hàng Techcombank chi nhánh Lạng Sơn của bị cáo Nguyễn Văn D theo Lệnh phong tỏa tài khoản số 05/LPTTK-CQĐT-ĐTTH ngày 17/12/2021 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Lạng Sơn để đảm bảo thi hành án.

4. Về án phí: Buộc bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm để nộp ngân sách Nhà nước.

Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND TP. Lạng Sơn, T. Lạng Sơn;
- Công an TP. Lạng Sơn, T. Lạng Sơn;
- Nhà tạm giữ; CQTHAHS CATP. Lạng Sơn;
- Chi cục THADS TP. Lạng Sơn;
- Bị cáo;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu hồ sơ, HCTP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Chu Thị Phương Thảo